

BỘ Y TẾ
VIỆN DINH DƯỠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 506/TMBG-VDD

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc cung cấp báo giá mua dầu ăn và shortening sản xuất sản phẩm dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng

Kính gửi: Quý Công ty, đơn vị cung cấp dịch vụ mua dầu ăn và shortening

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23/06/2023;

Căn cứ vào nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ vào Kế hoạch số 138/KH-VTQT ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Viện Dinh dưỡng về việc mua sắm hàng hóa dịch vụ;

Viện Dinh dưỡng xin thông báo đến Quý Công ty có đủ điều kiện và năng lực tham gia báo giá, chào giá cạnh tranh cung cấp dịch vụ mua dầu ăn và shortening.

Mục đích báo giá: Làm cơ sở để lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa dịch vụ đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và giá phù hợp.

Danh mục hàng hóa/Dịch vụ báo giá: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Hình thức báo giá: 01 bản cứng và bản mềm scan PDF (Đã đóng dấu theo đúng quy định và gửi qua Email).

Thời gian gửi báo giá: Trước 16 giờ ngày 26 tháng 11 năm 2024

Địa điểm giao hàng: Viện Dinh dưỡng 48B Tầng Bạt Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm giá hàng hóa/dịch vụ và thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển... theo quy định của pháp luật, Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm. Báo giá ghi rõ thời gian đảm bảo cung cấp hàng hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Báo giá bằng tiền đồng Việt Nam.

Thông tin xin gửi về: Phòng Vật tư - Quản trị, Viện Dinh dưỡng. Địa chỉ: 48B Tầng Bạt Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 02439717090; Email: thauvtqt.ninvn@gmail.com.

Nơi nhận:

- Đăng: Website Viện;
- Lưu VT, VTQT, TCKT.



Trần Thanh Dương

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC HÀNG HÓA DỊCH VỤ YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số ~~506~~ TMBG-VDD ngày 21 tháng 11 năm 2024)

TT	Tên vật tư, nguyên vật liệu, gia công	Đơn vị đóng gói/đo lường	Số lượng	Hạn sử dụng
1.	Dầu ăn (1 lít/chai, 12 chai/thùng)	thùng	43	$\geq 2/3$ thời gian kể từ ngày sản xuất
2.	Shortening (25 kg/thùng)	thùng	17	$\geq 2/3$ thời gian kể từ ngày sản xuất

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BẢO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 506/TMBG-VDD ngày 24 tháng 11 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật		
		Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
01	Dầu hạt cải			
	Nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm		Là nguyên liệu thực phẩm
	Chỉ tiêu cảm quan	Màu sắc		Vàng sáng
		Mùi vị		Không mùi hoặc trung tính, không mùi ôi, khét
		Trạng thái		Lỏng, không có cặn hoặc khối đông lẫn trong dung dịch
	Thành phần	Thành phần		100% dầu hạt cải nguyên chất và bổ sung vitamin A
	Chỉ tiêu hóa lý	Trị số axit	mg KOH/g	$\leq 0,6$
		Hàm lượng nước và chất dễ bay hơi ở 105 ⁰ C	%	$\leq 0,2$
		Tạp chất không tan	%	$\leq 0,05$
		Trị số i-ốt	Gam i- ốt/100g	105-126
		Chất béo toàn phần	%	$\geq 99,5$
		Trị số peroxit	MeqO ₂ /kg	≤ 10
		Năng lượng	KCal/100g	900
		Omega-3	g/100g	≥ 5
		Omega-6	g/100g	≥ 18
		Omega-9	g/100g	≥ 55

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật		
		Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
		Chất béo bão hòa	g/100g	≤ 12
		Chất béo không bão hòa	g/100g	≥ 88
		Vitamin E	mg/100g	≥ 20
		Vitamin A (bổ sung)	IU/100g	≥ 9200
		<i>Cholesterol</i>	g/100g	0
	Chỉ tiêu vi sinh vật	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	≤ 1000
		<i>Coliform</i>	MPN/ml	≤ 10
		<i>E. coli</i>	MPN/ml	≤ 3
		<i>S. aureus</i>	CFU/ml	0
		<i>Salmonella spp</i>	CFU/25ml	0
		Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	≤ 100
	Hàm lượng kim loại nặng (Theo QCVN 8- 2/2011/BYT, dầu thực vật)	Asen	mg/kg	$\leq 0,1$
		Chì	mg/kg	$\leq 0,1$
	Yêu cầu khác	Bao gói		Bao bì: Dầu ăn được đóng chai nhựa 1 lít, 12 chai/thùng đựng trong thùng carton Trên bao bì có ghi nhãn thông tin - Tên sản phẩm. - Lô sản phẩm. - Ngày sản xuất. - Hạn sử dụng. - Thông tin nhà sản xuất. - Xuất xứ. - Khối lượng/thể tích đóng gói

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật		
		Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
		Hạn sử dụng còn lại		$\geq 2/3$ Thời gian hạn sử dụng in trên bao bì tại thời điểm giao hàng
		Cơ sở sản xuất		Đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành Có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành
02	Shortening			
	Nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm		Là nguyên liệu thực phẩm
	Chỉ tiêu cảm quan	Màu sắc		Màu trắng ngà
		Mùi vị		Mùi vị đặc trưng, không có mùi ôi khét
		Trạng thái		Dạng rắn
	Thành phần	Thành phần		Dầu stearin cộ tinh luyện và chất chống oxy hóa
	Chỉ tiêu hóa lý	Trị số axit	mg KOH/g	$\leq 0,6$
		Tạp chất không tan	%	$\leq 0,05$
		Hàm lượng các chất dễ bay hơi ở 105 ⁰ C	%	$\leq 0,2$
		Chất béo toàn phần	%	$\geq 99,5$
		Trị số i-ốt	Gam i-ốt/100g	≤ 48
		Trị số peroxit	MeqO ₂ /kg	≤ 10
		Nhiệt độ nóng chảy	°C	≥ 44
	Chỉ tiêu vi sinh vật	Tổng số VSV hiếu khí	CFU/g	≤ 1000

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật		
		Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
	(Theo QCVN 46/2007/BYT, dầu mỡ)	<i>Coliform</i>	MPN/g	≤ 10
		<i>E. coli</i>	MPN/g	≤ 3
		<i>S. aureus</i>	CFU/g	Không phát hiện
		<i>Salmonella spp</i>	CFU/25g	Không phát hiện
		Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	<100
	Hàm lượng kim loại nặng (Theo QCVN-8-1/2011/BYT, dầu thực vật)	Hàm lượng Asen	mg/kg	$\leq 0,1$
		Hàm lượng Chì	mg/kg	$\leq 0,1$
	Yêu cầu khác	Bao gói		- Bao bì gồm 2 lớp: Bên trong bằng túi PE, bên ngoài là thùng carton - Khối lượng tịnh: 25kg/thùng. Bên ngoài có dán nhãn gồm các thông tin sau: - Tên sản phẩm. - Lô sản phẩm. - Ngày sản xuất. - Hạn sử dụng. - Thông tin nhà sản xuất. - Xuất xứ. - Khối lượng/thể tích đóng gói
				$\geq 2/3$ Thời gian hạn sử dụng in trên bao bì tại thời điểm giao hàng
		Hạn sử dụng		
		Cơ sở sản xuất		Đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành Có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành